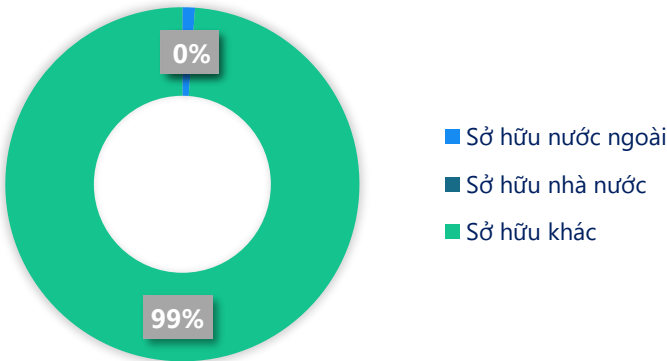


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,270
SL cổ phiếu LH		
KLGD BQ 20 phiên (CP)		8,435
% sở hữu nước ngoài		1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		
P/E		
EPS		

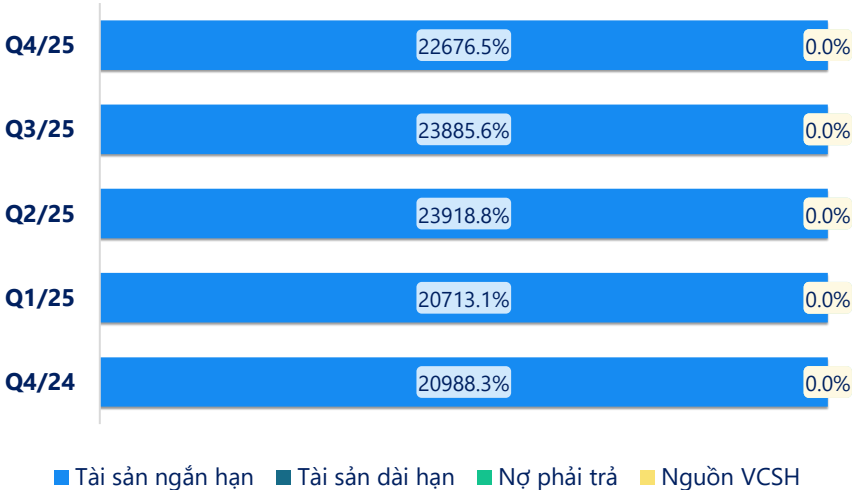
	YTD	1T	3T	6T
PRE	14.7%	1.4%	11.3%	15.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



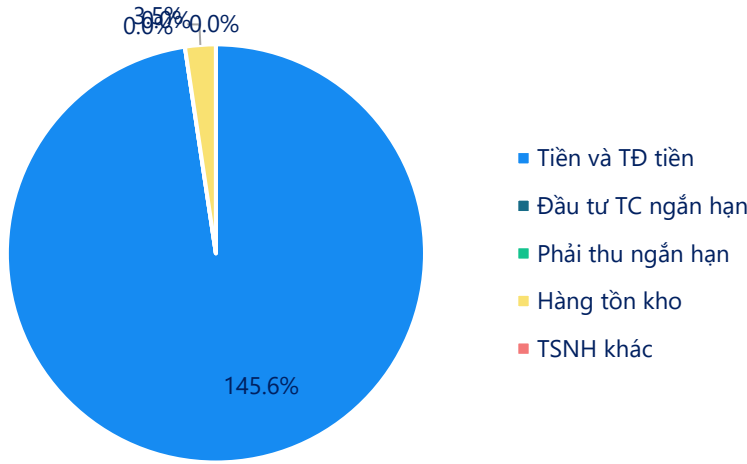
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

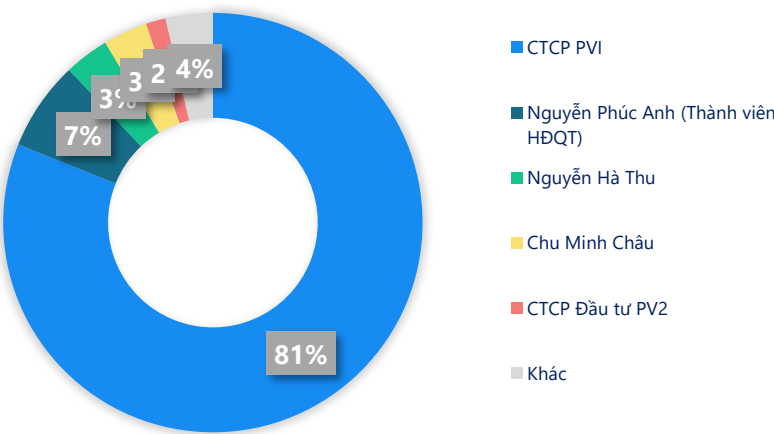
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

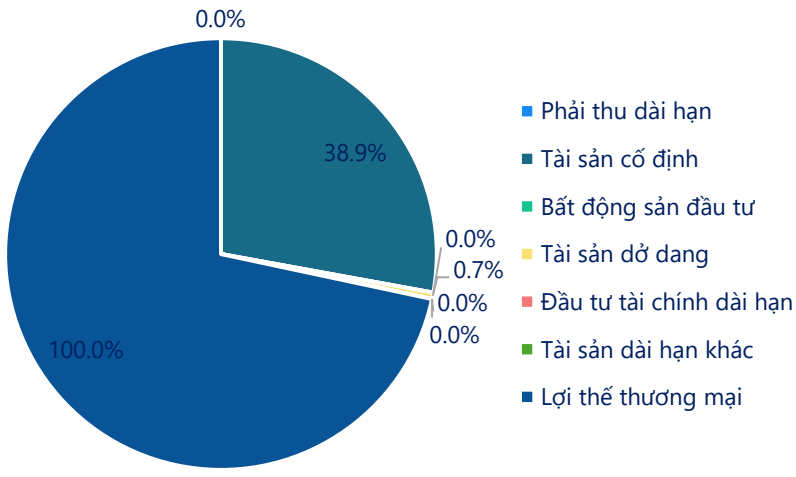
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



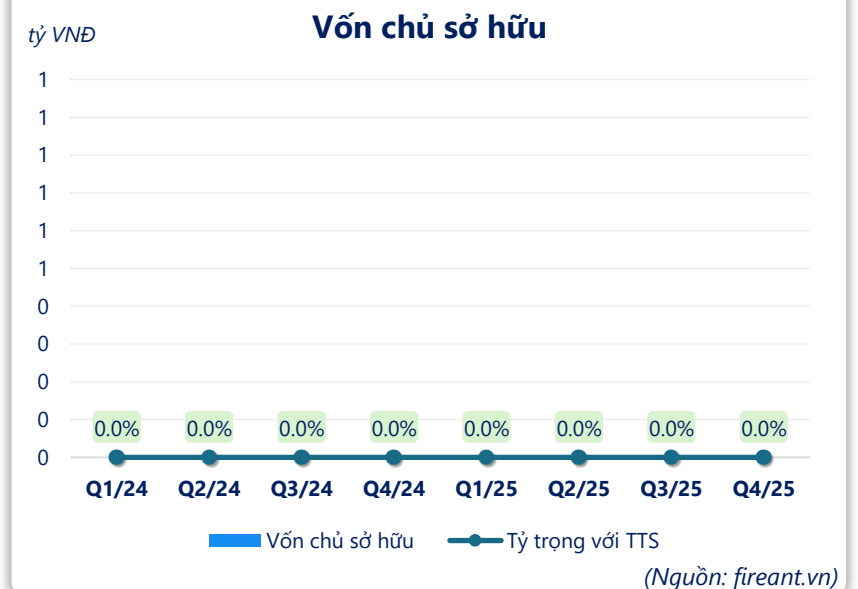
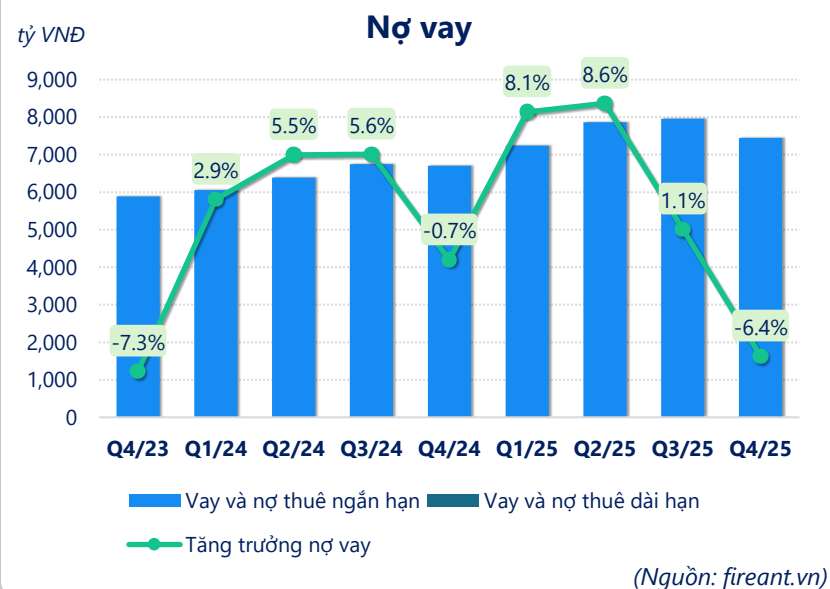
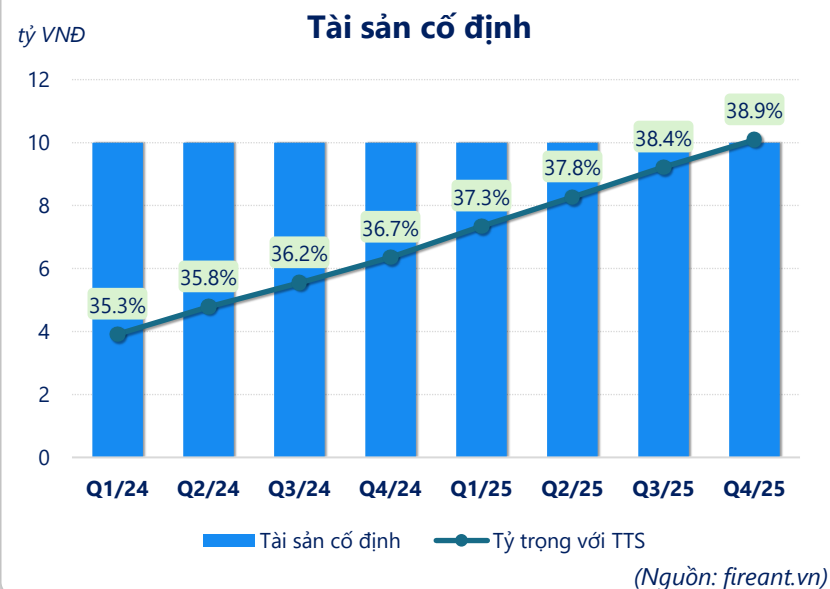
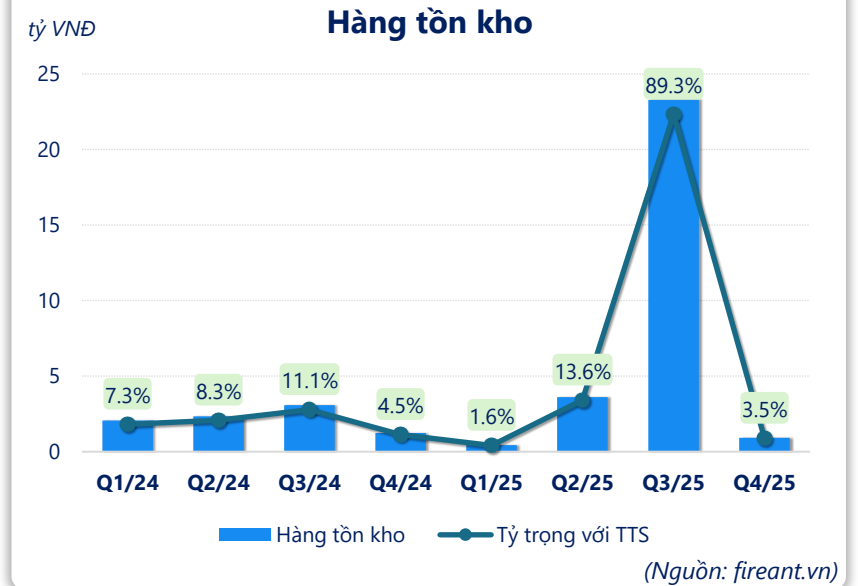
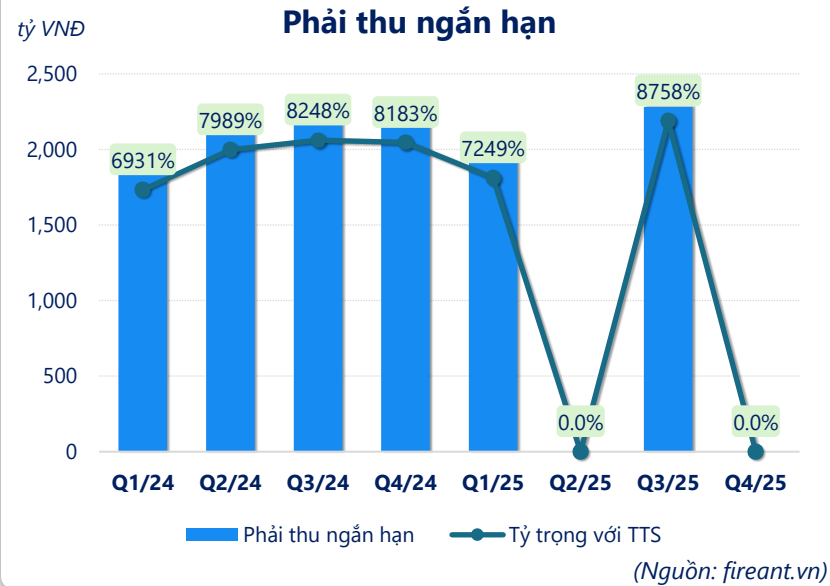
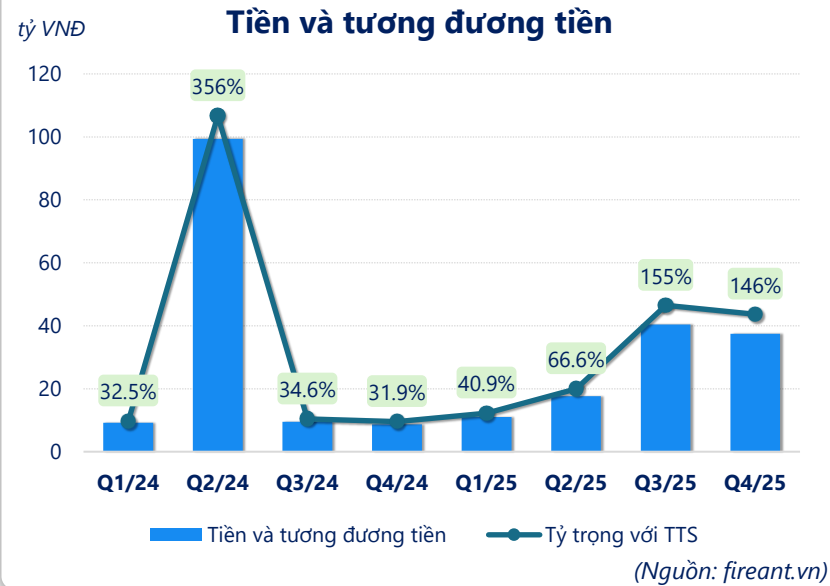
(Nguồn: fireant.vn)

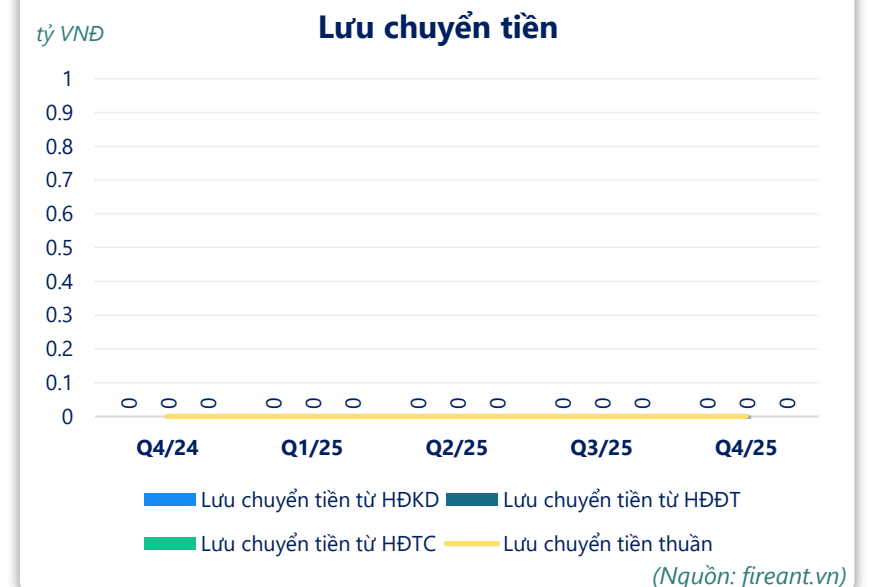
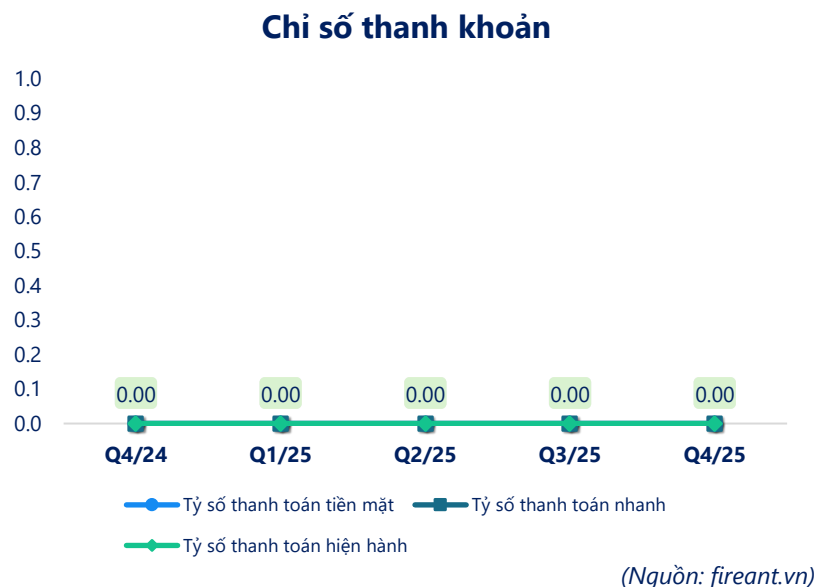
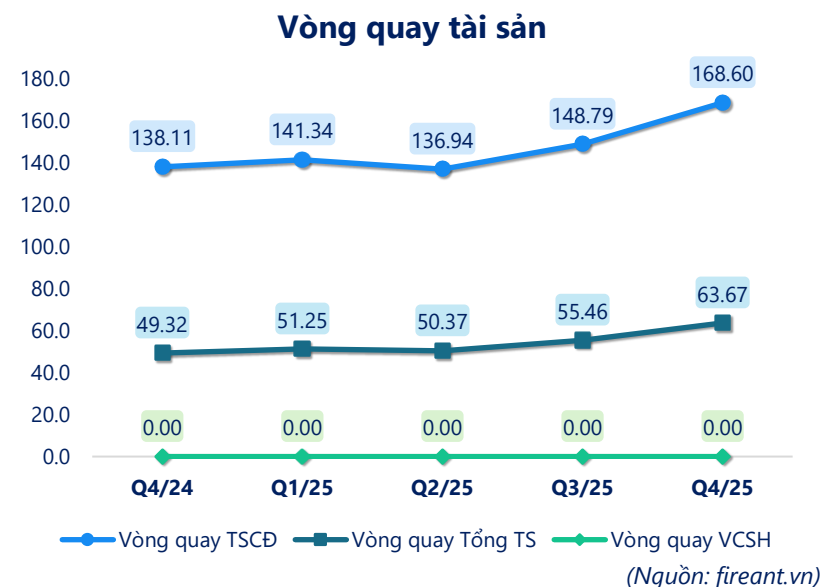
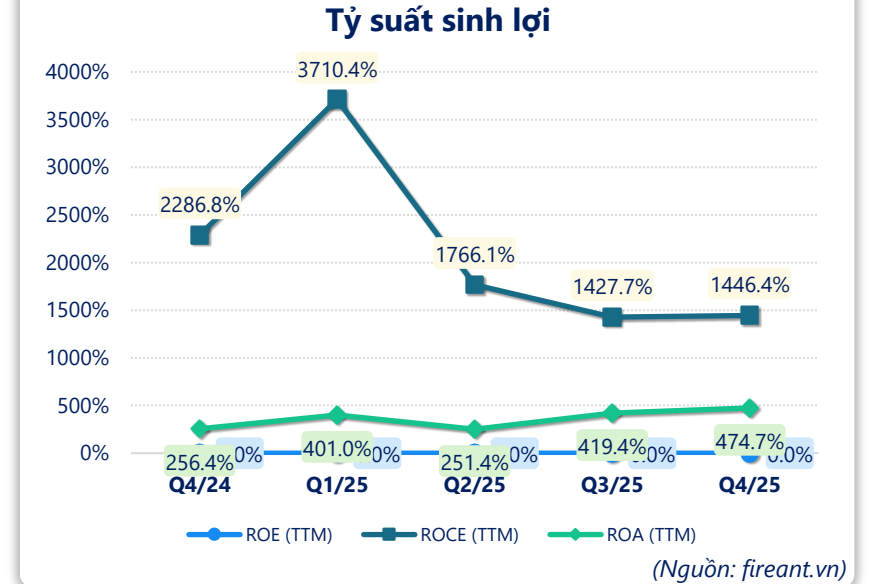
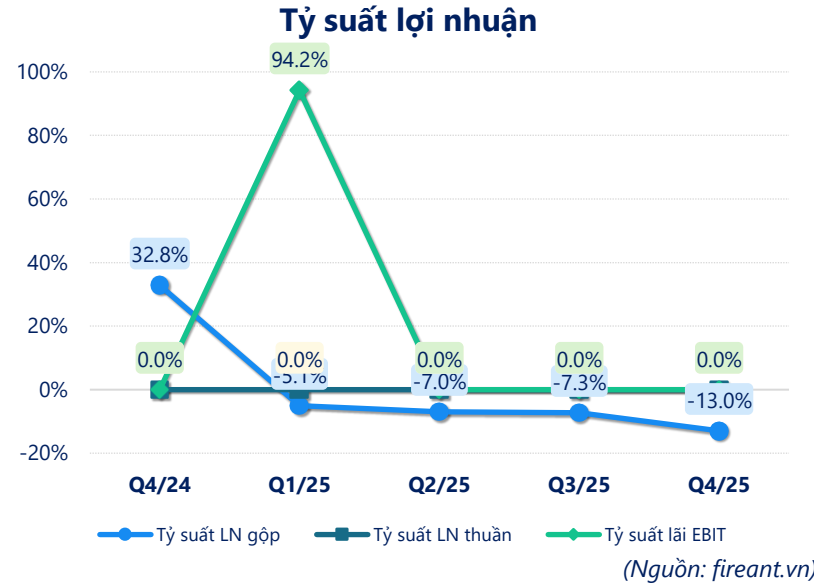
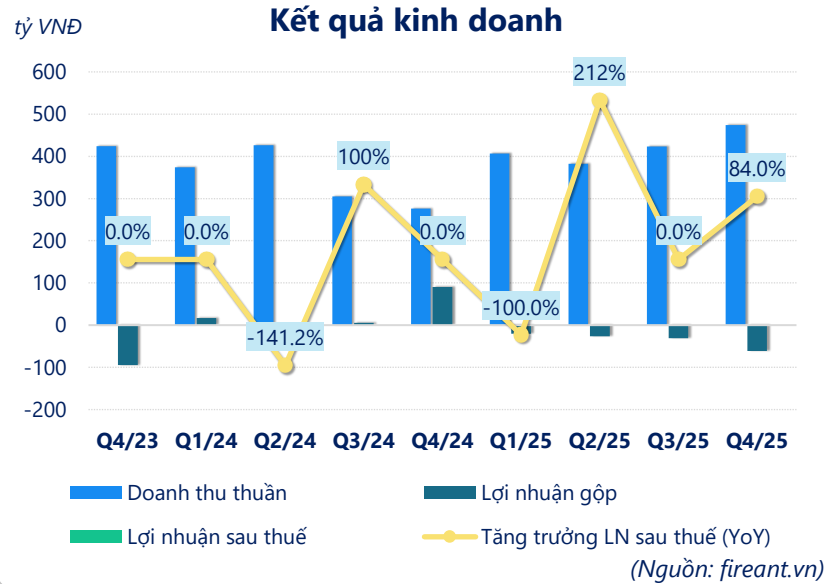
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	25.7	27.2	-5.6%
Tài sản ngắn hạn	5,832	5,718	2.0%
Tiền và tương đương tiền	37.5	8.68	332%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0	2,229	-100%
Hàng tồn kho	0.91	1.24	-26.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	0	0	
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	10.0	10.0	0.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.17	0.37	-53.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	25.7	27.2	-5.6%
Nợ phải trả	0	0	
Nợ ngắn hạn	0	0	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7,449	6,701	11.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	5,778	5,084	13.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	1,671	1,617	3.3%
Kinh phí và quỹ khác	7.31	7.38	-1.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	276	407	382	423	474
Giá vốn hàng bán	237	374	350	376	394
Lợi nhuận gộp	90.6	-20.6	-26.6	-30.9	-61.4
Doanh thu HĐTC	-51.6	53.4	59.0	77.7	141
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	47.8	57.2	63.2	62.4	68.7
Chi phí QLDN	3.43	10.2	5.19	3.85	16.9
LN thuần từ HĐKD	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	247	460	463	383	402
LN trước thuế	0	383	0	0	0
Lợi nhuận sau thuế	0	0	0	0	0
LNST của CĐ cty mẹ	71.8	111	68.4	113	126

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	9.54	8.68	11.0	17.6	40.4
Lưu chuyển tiền thuần	0	0	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.68	11.0	17.6	40.4	37.5

(Nguồn: fireant.vn)